

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
THAN VÀNG DANH - VINACOMIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/TVD-HĐQT

Uông Bí, ngày 07 tháng 03 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**  
**HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CP THAN VÀNG DANH - VINACOMIN**

*Căn cứ Điều lệ Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2021;*

*Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2021;*

*Căn cứ Biên bản số 1710/BB-HĐQT ngày 07 tháng 03 năm 2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin thông qua nghị quyết với nội dung sau:

**1. Xem xét thông qua Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin**

Xét dự thảo Quy chế làm việc của HĐQT Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin, các thành viên HĐQT tham gia thảo luận và biểu quyết thông qua Nghị quyết như sau:

- 1.1. HĐQT thông qua Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị
- 1.2. HĐQT Công ty ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký ban hành Quy chế.
- 1.3. Trên cơ sở Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty chỉ đạo các phòng ban liên quan rà soát lại các Quy chế quản lý nội bộ để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, trình HĐQT Công ty xem xét phê duyệt.

**2. Xem xét thông qua việc phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT**

Xét dự thảo phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT Công ty cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin, các thành viên HĐQT tham gia thảo luận và biểu quyết thông qua Nghị quyết như sau:

- 2.1. HĐQT thông qua việc phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT Công ty.
- 2.2. HĐQT Công ty ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký quyết định phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT Công ty.

### **3. Xem xét thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.**

Xét dự thảo kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, các thành viên HĐQT tham gia thảo luận và biểu quyết thông qua Nghị quyết như sau:

3.1. Thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.

- Thời gian, địa điểm: dự kiến ngày 29/4/2025, tại Trụ sở Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin, số 969 đường Bạch Đằng, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT Công ty ký ban hành kế hoạch.

3.2. Thông qua thời điểm chốt danh sách cổ đông hưởng quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Thời gian dự kiến: ngày 31/3/2025;

3.3. Giám đốc Công ty chỉ đạo thực hiện đảm bảo tiến độ, phù hợp các quy định của pháp luật.

### **4. Xem xét thông qua dự kiến kết quả SXKD quý 1, kế hoạch SXKD quý 2 năm 2025**

Xét tờ trình số 338/TTr-TVD ngày 07/03/2025 của Giám đốc Công ty về việc thông qua dự kiến kết quả SXKD quý 1, kế hoạch SXKD quý 2 năm 2025, các thành viên HĐQT tham gia thảo luận và biểu quyết thông qua Nghị quyết như sau:

4.1. Thông qua dự kiến kết quả SXKD quý 1, Kế hoạch SXKD quý 2.

*(theo biểu kèm theo).*

4.2. Giám đốc Công ty chỉ đạo các phòng ban chuyên môn hỗ trợ nhà thầu để đảm bảo mét lò đào; Về khối lượng than hầm lò thuê ngoài: Chỉ đạo các phòng ban rà soát để báo cáo TKV bổ sung kế hoạch thuê ngoài và việc tăng thêm phải đảm bảo tổng số lượng than khai thác không vượt Giấy phép khai thác khoáng sản số 104/GP-BTNMT ngày 18/06/2021. Báo cáo HĐQT về kế hoạch thuê ngoài khai thác than hầm lò.

### **5. Hội đồng quản trị Công ty triển khai một số văn bản quản lý của TKV:**

5.1. Ngày 22/01/2025 Tập đoàn có văn bản số 408/TKV-KS về việc báo cáo TKV trước khi họp HĐQT, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.

#### **\* Ý kiến chỉ đạo:**

- Giám đốc Công ty chỉ đạo các phòng ban liên quan lập các báo dự kiến biểu quyết tại ĐHCĐ, phương án phân phối lợi nhuận năm 2024, mức chi trả thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS...theo Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông báo cáo những Người đại diện của TKV thống nhất nội dung báo cáo TKV để Người đại diện phân vốn báo cáo TKV có ý kiến trước khi họp HĐQT thông qua tài liệu Đại hội đồng cổ đông.

Thời gian hoàn thành các tài liệu để báo cáo TKV không muộn hơn ngày 15/03/2025.

5.2. Ngày 5/3/2025 Tập đoàn TKV có văn bản số 1156/TKV-KH về việc thông báo các chỉ tiêu định hướng Kế hoạch 05 năm 2026-2030.

#### **\* Ý kiến chỉ đạo:**

Giám đốc Công ty chỉ đạo các phòng ban liên quan xây dựng kế hoạch SXKD 05 năm 2026-2030 trình HĐQT phê duyệt để làm cơ sở triển khai thực hiện.

## 6. HĐQT chỉ đạo về công tác xử lý các văn bản quản lý của Công ty.

6.1. Đối với các văn bản đến: Khi Văn phòng tiếp nhận văn bản đến Chánh Văn phòng phải tham mưu để lãnh đạo Công ty xử lý văn bản đúng quy định. Đối với các văn bản gửi cho Người đại diện phần vốn thì phải gửi cho Chủ tịch HĐQT để triển khai thực hiện.

6.2. Đối với các nội dung chỉ đạo của HĐQT (thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT): Giám đốc Công ty chỉ đạo các phòng ban sau khi thực hiện các ý kiến chỉ đạo của HĐQT thì gửi văn bản hoặc báo cáo về HĐQT (qua portal của Công ty) để theo dõi, giám sát.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng ban liên quan trong Công ty căn cứ Nghị quyết thi hành. / *DƯP*

### CÁC THÀNH VIÊN HĐQT

1. Hồ Quốc ..... *[Signature]*
2. Trịnh Văn An ..... *[Signature]*
3. Nguyễn Bá Quang ..... *[Signature]*

### TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



#### Nơi nhận:

- Như điều 3 (E-copy);
- BKS Công ty (E-copy);
- Thường trực Đảng ủy (E-copy);
- Lưu: VT, Thư ký (1).

**BIỂU TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH QUÝ II NĂM 2025**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch ĐHSX năm 2025	Dự kiến thực hiện Quý I/2025	Kế hoạch Quý II/2025	Chi tiết các tháng			Dự kiến 6T đầu năm 2025	So sánh (%)	
						Tháng 4 (24 ngày)	Tháng 5 (24 ngày)	Tháng 6 (24 ngày)		Quý II	6T năm 2025
<b>I</b>	<b>Than nguyên khai</b>	<b>Tấn</b>	<b>4.295.000</b>	<b>1.055.000</b>	<b>1.096.000</b>	<b>366.000</b>	<b>365.000</b>	<b>365.000</b>	<b>2.151.000</b>	<b>25,5</b>	<b>50,1</b>
<b>I.1</b>	<b>Than nguyên khai Công ty</b>	<b>"</b>	<b>3.800.000</b>	<b>930.000</b>	<b>970.000</b>	<b>324.000</b>	<b>323.000</b>	<b>323.000</b>	<b>1.900.000</b>	<b>25,5</b>	<b>50,0</b>
<i>1</i>	<i>Than hầm lò</i>		<i>3.700.000</i>	<i>930.000</i>	<i>970.000</i>	<i>324.000</i>	<i>323.000</i>	<i>323.000</i>	<i>1.900.000</i>	<i>26,2</i>	<i>51,4</i>
a	Than hầm lò công ty	"	3.525.000	873.000	925.000	309.000	308.000	308.000	1.798.000	26,2	51,0
-	Than lò chợ	"	3.030.000	757.000	810.500	271.800	269.200	269.500	1.567.500	26,7	51,7
	- Trong đó: Than CGH	"	680.000	202.800	710.000	234.000	233.000	243.000	912.800	104,4	134,2
-	Than đào lò + xén	"	495.000	116.000	114.500	37.200	38.800	38.500	230.500	23,1	46,6
b	Than hầm lò thuê ngoài	"	175.000	57.000	45.000	15.000	15.000	15.000	102.000	25,7	58,3
<b>2</b>	<b>Than lộ vỉa</b>	<b>"</b>	<b>100.000</b>								
<b>I.2</b>	<b>Than nguyên khai mua mỏ</b>	<b>Tấn</b>	<b>495.000</b>	<b>125.000</b>	<b>126.000</b>	<b>42.000</b>	<b>42.000</b>	<b>42.000</b>	<b>251.000</b>	<b>25,5</b>	<b>50,7</b>
<b>II</b>	<b>Than sạch</b>	<b>Tấn</b>	<b>3.666.000</b>	<b>890.324</b>	<b>957.800</b>	<b>319.800</b>	<b>319.000</b>	<b>319.000</b>	<b>1.848.124</b>	<b>26,1</b>	<b>50,4</b>
1	Than cục	"	562.000	144.225	146.900	49.100	48.900	48.900	291.125	26,1	51,8
2	Than cám các loại	"	3.104.000	746.099	810.900	270.700	270.100	270.100	1.556.999	26,1	50,2
<b>III</b>	<b>Mét lò mới</b>	<b>mét</b>	<b>41.050</b>	<b>9.820</b>	<b>10.700</b>	<b>3.565</b>	<b>3.570</b>	<b>3.565</b>	<b>20.520</b>	<b>26,1</b>	<b>50,0</b>
1	Lò CBSX	mét	41.050	9.820	10.700	3.565	3.570	3.565	20.520	26,1	50,0

-	Chống gỗ	m	1.200	192	245	35	110	100	437	20,4	36,4
-	Chống thép	m	39.850	9.628	10.455	3.530	3.460	3.465	20.083	26,2	50,4
*	Mét lò thuê ngoài	m	7.400	1.508	1.560	520	520	520	3.068	21,1	41,5
*	Mét lò Cty đào	m	33.650	8.312	9.140	3.045	3.050	3.045	17.452	27,2	51,9
*	<i>Hệ số mét lò CBSX</i>	<i>m/1000T</i>	<i>11,09</i>	<i>10,56</i>	<i>11,03</i>	<i>11,00</i>	<i>11,05</i>	<i>11,04</i>	<i>10,80</i>	99,4	97,3
<b>IV</b>	<b>Mét lò xén</b>	<b>mét</b>	<b>12.000</b>	<b>2.034</b>	<b>1.620</b>	<b>565</b>	<b>530</b>	<b>525</b>	<b>3.654</b>	<b>13,5</b>	<b>30,4</b>
	Mét lò xén Công ty	m	6.600	1.495	1.020	365	330	325	2.515	15,5	38,1
	Mét lò xén thuê ngoài	m	5.400	539	600	200	200	200	1.139	11,1	21,1
<b>V</b>	<b>Bóc đất đá</b>	<b>m<sup>3</sup></b>	<b>1.675.000</b>								
	<i>Tr.đó - Tự làm</i>	"									
	<i>Tr.đó - Thuê ngoài</i>	"	1.675.000								
*	<i>Hệ số bóc đất đá</i>	<i>m<sup>3</sup>/t</i>	<i>16,75</i>								
<b>VI</b>	<b>Than tiêu thụ</b>	<b>Tấn</b>	<b>3.666.000</b>	<b>915.700</b>	<b>954.000</b>	<b>318.000</b>	<b>318.000</b>	<b>318.000</b>	<b>1.869.700</b>	<b>26,0</b>	<b>51,0</b>
<b>VII</b>	<b>Tồn kho (than sạch)</b>	<b>Tấn</b>									
-	Tồn kho đầu kỳ	tấn			89.393						
-	Tồn kho cuối kỳ	tấn			87.275						
<b>VII</b>	<b>Doanh thu than</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>6.686.116</b>	<b>1.634.792</b>	<b>1.771.243</b>	<b>590.414</b>	<b>590.414</b>	<b>590.414</b>	<b>3.406.035</b>	<b>26,5</b>	<b>50,9</b>
<b>IIIX</b>	<b>Lợi nhuận</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>85.424</b>	<b>21.500</b>	<b>21.500</b>				<b>43.000</b>	<b>25,2</b>	<b>50,3</b>